

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 28/11/2018

*V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

**ỦY VIÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 334/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX- ST ngày 22/10/2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2018/QĐ ST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983

- Bị đơn: **Anh Vũ Văn M**, sinh năm 1978

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã H, huyện K, Hải D- ơng

Người làm chứng: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1960

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện K, Hải D- ơng

Chị H có mặt, anh M và bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh M được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2003. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dạy con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ bình thường. Tuy nhiên, nhiều tháng nay vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung và việc nuôi dạy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh M không quan tâm chăm lo gì cho vợ con. Sau thời gian đi chấp hành án phạt tù trở về địa phương, vợ chồng không thể hòa hợp để chung sống cùng nhau. Nhiều tháng nay hai bên sống ly thân, không còn chăm lo gì đến nhau. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Đến nay, chị H thấy vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh M để mỗi bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Thị Như Q, sinh ngày 31/7/2004 và Vũ Ngọc A, sinh ngày 02/01/2010. Thực tế chị H đang là người nuôi hai con chung. Nay, vợ chồng ly hôn chị H đề nghị Tòa giao cho chị H, anh M mỗi người nuôi một con chung, hai bên hàng tháng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện chị H và anh M không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, anh Vũ Văn M trình bày: Việc chị H trình bày với Tòa án về việc anh và chị H tự nguyện kết hôn và có với nhau hai người con chung là đúng thực tế. Thực trạng cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu sau khi kết hôn vui vẻ bình thường, nhưng vài năm gần đây cuộc sống chung không được hòa thuận. Sau khi anh đi chấp hành án phạt tù về, chị H không thông cảm chia sẻ nên vợ chồng có bất đồng quan điểm, hai bên đã sống ly thân nhiều tháng nay là đúng nhưng anh thấy vẫn còn tình cảm với chị H nên đề nghị được đoàn tụ. Còn trường hợp nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đề nghị được nuôi một con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh thống nhất với chị H là không có gì tranh chấp, phải giải quyết.

Theo đại diện Ủy ban nhân dân xã H phản A: Chị H và anh M được kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2003. Khi chị

H, anh M còn chung sống cùng nhau, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Hai bên nhiều tháng nay sống ly thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử*: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị H được ly hôn anh M; Về con chung, xử giao cho chị H được nuôi cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 02/01/2010, giao cho anh M được quyền nuôi cháu Vũ Thị Như Q, sinh ngày 31/7/2004. Hai bên hàng tháng không phải cấp dưỡng tiền con chung cho nhau đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh M được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2003 nên đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh M đang cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân. Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của chị H xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đ- ơng sự tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa ph- ơng nơi đ- ơng sự c- trú, lời trình bày của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu đ- ợc thu thập trong vụ án phản A cuộc sống vợ chồng chị H và anh M không đ- ợc hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng nh- việc nuôi dạy con chung. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết đ- ợc. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nh- ng tình trạng vợ chồng vẫn không đ- ợc cải thiện. Nhiều tháng nay, chị H và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh M mặc dù đã nhận đ- ợc thông báo phiên hòa giải của Tòa án, nh- ng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải, chứng tỏ anh M cũng

không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh M đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng H, anh M có hai con chung là Vũ Thị Như Q, sinh ngày 31/7/2004 và Vũ Ngọc A, sinh ngày 02/01/2010. Thực tế điều kiện kinh tế và chỗ ở của cả hai bên hiện đều gặp khó khăn nên cần xem xét giao cho chị H, anh M mỗi người nuôi một con chung là phù hợp, đảm bảo việc ổn định cuộc sống cho các con chung. Xét, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị H, anh M và ý kiến của cháu Q muốn ở cùng bố, cháu A muốn ở cùng mẹ nên cần giao cho chị H được quyền nuôi cháu A, giao cho anh M được quyền nuôi cháu Q. Hai bên hàng tháng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung trưởng thành.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện chị H, anh M không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không phải xem xét, giải quyết.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh M không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền nuôi cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 02/01/2010; Giao cho anh Vũ Văn M được quyền nuôi cháu Vũ Thị Như Q, sinh ngày 31/7/2004; Hai bên hàng tháng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ-ợc cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, đ-ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001811 ngày 24/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải D-ơng. Chị H đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. □n xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh M biết đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định .

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds huyện K;
- UBND xã V.
- L-u hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết